

CTU HEC

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 558 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3110/QĐ-BGTVT ngày 28/8/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

Căn cứ Quyết định số 416/QĐ-BGTVT ngày 15/02/2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố sửa đổi thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 2784/QĐ-BGTVT ngày 29/9/2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố bổ sung, sửa đổi, thay thế thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 2272/QĐ-BGTVT ngày 24/10/2018 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi thuộc lĩnh vực Đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 1291/QĐ-BGTVT ngày 10/7/2019 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi trong lĩnh vực Đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 1363/QĐ-BGTVT ngày 22/7/2019 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được bổ sung trong lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 1836/QĐ-BGTVT ngày 04/10/2019 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Đường thủy nội địa, hàng hải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Đồng Nai tại Tờ trình số 577/TTr-SGTVT ngày 11 tháng 02 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Bộ thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai (*danh mục và nội dung đính kèm*).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; trong đó một số thủ tục hành chính được ban hành mới; thủ tục hành chính bị bãi bỏ như sau:

1. Ban hành mới 09 thủ tục hành chính cấp tỉnh thuộc lĩnh vực đường thủy nội địa như sau:

- Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu;
- Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước;
- Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước;
- Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước;
- Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn;
- Dự học, thi, kiểm tra để được cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn;
- Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa địa phương;
- Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát;
- Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát.

2. Bãi bỏ 27 thủ tục (20 thủ tục cấp tỉnh và 7 thủ tục cấp huyện) như sau:

a) Cấp tỉnh:

- Lĩnh vực đường bộ: 10 thủ tục

- + Cấp phép thi công xây dựng các công trình thiết yếu nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác.

+ Gia hạn chấp thuận xây dựng các công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác.

+ Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào tỉnh lộ.

+ Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với tỉnh lộ đang khai thác.

+ Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào tỉnh lộ.

+ Gia hạn chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào tỉnh lộ.

+ Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

+ Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của tỉnh lộ đang khai thác.

+ Chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đối với hệ thống tỉnh lộ quản lý.

+ Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác.

- Lĩnh vực Đường thủy nội địa: 02 thủ tục

+ Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi dùi để chở khách và xe ô tô.

+ Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi dùi để chở hành khách và xe ô tô.

- Lĩnh vực đường bộ, đường thủy nội địa: 03 thủ tục

+ Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình giao thông trên địa bàn tỉnh.

+ Thẩm định thiết kế cơ sở đối với dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước.

+ Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật (BCKTKT) đối với dự án giao thông sử dụng vốn ngân sách sự nghiệp.

- Lĩnh vực Thanh tra: 05 thủ tục

+ Thủ tục tiếp dân;

+ Thủ tục xử lý đơn, thư;

+ Thủ tục giải quyết tố cáo;

+ Thủ tục giải quyết khiếu nại (lần đầu);

+ Thủ tục giải quyết khiếu nại (lần 2).

b) Cấp huyện: 07 thủ tục thuộc Lĩnh vực đường bộ

- Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào các tuyến đường huyện, thị, thành phố (gọi chung là cấp huyện).

- Cấp phép thi công, xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường cấp huyện quản lý.
- Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào các tuyến đường cấp huyện quản lý.
- Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tuyến đường cấp huyện quản lý.
- Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tuyến đường cấp huyện quản lý.
- Gia hạn chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào các tuyến đường cấp huyện quản lý.
- Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác.

Điều 3. Quyết định này thay thế các quyết định: Quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 24/7/2018, Quyết định số 3591/QĐ-UBND ngày 11/10/2018, Quyết định số 4514/QĐ-UBND ngày 20/12/2018, Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 08/3/2019, Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 18/4/2019, Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 và Quyết định số 4002/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai.

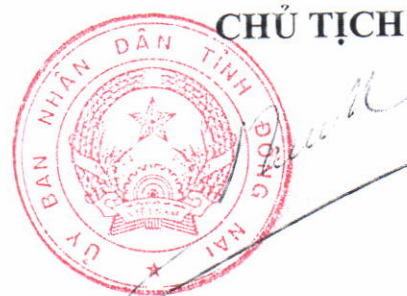
Điều 4. Sở Giao thông vận tải, Trung tâm hành chính công tỉnh có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai nội dung Bộ thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị.

Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Giao thông vận tải cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia. Đồng thời in ấn, photo đóng thành quyển các thủ tục hành chính đã được công bố, phát hành đến các đơn vị theo thành phần nơi nhận của Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Trung tâm Hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bộ Giao thông vận tải;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (1022);
- Lưu: VT, KTN, HCC, Công TTĐT tỉnh.



Cao Tiến Dũng



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH ĐỒNG NAI**
(Ban hành theo Quyết định số 558 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP SỞ	
I.	Lĩnh vực đường bộ	
1	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	
2	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp	
3	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp	
4	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp	
5	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam	
6	Cấp Giấy phép xe tập lái	
7	Cấp lại Giấy phép xe tập lái	
8	Cấp Giấy phép lái xe quốc tế	
9	Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế	
10	Cấp lại Giấy phép lái xe	
11	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô	
12	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác	
13	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo	
14	Cấp Giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động	
15	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	
16	Cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu	
17	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố	
18	Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến	

19	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất	
20	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	
21	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn	
22	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	
23	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo	
24	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	
25	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
26	Cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	
27	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải đối với trường hợp giấy phép bị hư hỏng, hết hạn, bị mất hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy phép	
28	Cấp phù hiệu cho xe nội bộ	
29	Cấp lại phù hiệu cho xe nội bộ	
30	Cấp phù hiệu xe trung chuyển	
31	Cấp lại phù hiệu xe trung chuyển	
32	Công bố đưa Bến xe khách vào khai thác	
33	Công bố lại đưa Bến xe khách vào khai thác	
34	Công bố đưa Trạm dừng nghỉ đường bộ vào khai thác	
35	Công bố lại đưa Trạm dừng nghỉ đường bộ vào khai thác	
36	Cấp phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt	
37	Cấp lại phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt	
38	Đăng ký khai thác tuyến vận tải khách cố định	
39	Lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách theo tuyến cố định	
40	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế	

	giữa Việt Nam - Lào - Campuchia	
41	Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác	
42	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam	
43	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam	
44	Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia	
45	Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Lào cho phương tiện	
46	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt Nam - Lào cho phương tiện	
47	Gia hạn Giấy phép liên vận Việt Nam - Lào và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	
48	Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện	
49	Gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam cho phương tiện của Campuchia tại Việt Nam	
50	Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	
II.	Lĩnh vực đường thủy nội địa	
51	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	
52	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	
53	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	
54	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	
55	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	
56	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	
57	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	
58	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	

59	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	
60	Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa	
61	Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa	
62	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	
63	Công bố lại cảng thủy nội địa	
64	Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa	
65	Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa	
66	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình trên tuyến đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	
67	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với các công trình thi công liên quan đến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	
68	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp thi công công trình trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa địa phương	
69	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	
70	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	
71	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	
72	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	
73	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	
74	Dự học, thi, kiểm tra để được cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	
75	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa địa phương	
76	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	
77	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	